

Bản án số: 434/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Quyên
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1103/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1943 (có mặt)

Địa chỉ: 32 đường N, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 243/1/22E đường T, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu P, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: 84000 Avignon, Cộng hòa Pháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/03/2016, các tài liệu chứng cứ kèm theo và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị Thu P chung sống có kết hôn vào năm 2012, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2894, quyển số 15, ngày 02/11/2012 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn ông và bà P thường xảy ra nhiều mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân là do tư tưởng và lối sống không phù hợp, hai bên đã ly thân hơn 18 tháng, mục

đích hôn nhân giữa hai bên không có, tình cảm đã không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông khai ông và bà Huỳnh Thị Thu P không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông khai ông và bà Huỳnh Thị Thu P không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị Thu P hiện đang cư ngụ tại Cộng hòa Pháp, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cung cấp lời khai của bà P về việc ông Nguyễn Thanh T yêu cầu ly hôn với bà P, nhưng bà P vẫn không cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thu P. Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Ông khai không có. Tại phiên tòa ông cho biết vào khoảng cuối năm 2017 bà P đã nộp đơn ly hôn đối với ông tại Cộng hòa Pháp nhưng Tòa án tại Cộng hòa Pháp có thông báo cho ông và bà P biết là do vụ án ly hôn đã được thụ lý và đang giải quyết tại Việt Nam nên Tòa án tại Cộng hòa Pháp không giải quyết mà để Tòa án tại Việt Nam tiếp tục giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt thông báo về ngày giờ mở phiên tòa đối với bà Huỳnh Thị Thu P nhưng bà Huỳnh Thị Thu P vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Thu P là trầm trọng, xét thấy không còn khả năng có thể đoàn tụ nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung ông T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 24/03/2016, ông Nguyễn Thanh T đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với bà Huỳnh Thị Thu P hiện đang cư trú tại Cộng hòa Pháp. Đây là tranh chấp về

hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng:

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu P vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 28/06/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 159/UTTPDS TA30 về việc tương trợ tư pháp gửi Bộ Tư pháp để thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bà Huỳnh Thị Thu P đang cư trú tại Cộng hòa Pháp.

Ngày 11/01/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất nhưng hoãn phiên tòa với lý do bà Huỳnh Thị Thu P vắng mặt nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng ngày 11/01/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục gửi Công văn số 340/TATP-TGĐVNCTN cho Bộ Tư pháp về việc đề nghị thông báo kết quả ủy thác tư pháp, nhưng Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bà Huỳnh Thị Thu P cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của bà P, và bà P vắng mặt nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Mặt khác, ông Nguyễn Thanh T có lời khai và chứng cứ kèm theo là bà Huỳnh Thị Thu P có nộp đơn xin được ly hôn với ông T tại Tòa án tại Cộng hòa Pháp, nhưng Tòa án tại Cộng hòa Pháp không đồng ý giải quyết mà để Tòa án tại Việt Nam đang thụ lý và tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền. Như vậy cho thấy bà P có biết việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý giải quyết vụ việc ly hôn giữa bà P và ông T.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 và Điểm c Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Thu P có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ các bản tự khai của ông T và vào việc bà P đã nộp đơn ly hôn đối với ông T tại Tòa án tại Cộng hòa Pháp, có cơ sở để xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa ông T và bà P đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T khai ông T và bà Huỳnh Thị Thu P không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T khai ông T và bà Huỳnh Thị Thu P không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 và Điểm c Khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thu P. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Huỳnh Thị Thu P chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 2894, quyển số 15, ngày 02/11/2012 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. *Về con chung:* Ông Nguyễn Thanh T khai không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Nguyễn Thanh T khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) mà ông Nguyễn Thanh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2014/0005658 ngày 30/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. *Về quyền kháng cáo bản án:* Ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Thị Thu P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh